

Bản án số: 03/2019/HSST

Ngày: 18/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thọ

Ông Vũ Văn Thang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh trì, TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 225/2018/HSST ngày 06/12/2018 đối với các bị cáo:

1/ *Họ và tên:* **KIỀU TRUNG S** - Sinh ngày 18/7/1984 tại Hà Nội

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã K, Thị xã S, TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trình độ văn hoá: 10/12

Con ông: Kiều Văn T

Con bà: Nguyễn Thị H

Có vợ là Khuất Thị H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2010.

- Tiền sự: Ngày 19/4/2002, đi Trường giáo dưỡng số 2 Ninh Bình thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 375/QĐ-UB ngày 02/4/2002 của UBND tỉnh Hà Tây. Ra trường ngày 19/01/2004

- Tiền án:

+ Ngày 28/7/2004, tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/HSST, TAND Thị xã S xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, 24 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt là 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/4/2004. Ra tù về địa phương ngày 06/10/2007 (đã xóa án tích)

+ Ngày 17/02/2009, tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2009/HSST, TAND Thành phố S (tỉnh Hà Tây cũ) xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 17/10/2008. Ra tù về địa phương ngày 17/01/2010 (đã xóa án tích)

+ Ngày 04/7/2012, tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2012/HSST, TAND huyện P, TP Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ra tù về địa phương ngày 28/11/2013 (đã xóa án tích)

+ Ngày 11/4/2014, tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2014/HSST, TAND quận Đ, TP Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2013. Ra tù về địa phương ngày 29/02/2016 (đã xóa án tích)

(Danh chỉ bản số 0400 do công an huyện T lập ngày 24/9/2018).

Bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 23/9/2018, tạm giam ngày 01/10/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2/ *Họ và tên:* **LÊ VIẾT T** - Sinh ngày 26/3/1992 tại Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT: thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Trình độ văn hoá: 12/12

Con ông: Lê Viết D

Con bà: Lê Thị T

Là con thứ ba trong gia đình có 03 chị em.

- TATS: Không

(Danh chỉ bản số 0398 do công an huyện T lập ngày 24/9/2018).

Bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 23/9/2018, tạm giam ngày 01/10/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

** Những người bị hại trong vụ án:*

1/ Anh Ngô Thế A - SN 1982 (Vắng mặt)

Cư trú tại: tổ 6, khu X, thị trấn X, huyện C, Hà Nội

2/ Anh Nguyễn Thành T - SN 1979 (Vắng mặt)

Cư trú tại: T18, 09-17, Khu đô thị T, phường M, quận H, TP Hà Nội

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Anh Nguyễn Huy T - SN 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: tổ 6, thôn P, phường M, quận N, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 20//2018, Kiều Trung S rủ Lê Viết T đi ăn uống rồi đến Bệnh viện K cơ sở T, huyện T, TP Hà Nội để trộm cắp tài sản. T đồng ý. Sau khi thống nhất, khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, S và T lên tầng 5 Tòa nhà B Bệnh viện K cơ sở T xem ai sơ hở thì trộm cắp, nhưng do có nhiều người thức dậy nên không trộm cắp được. Cả hai tiếp tục lên tầng 7 của Tòa nhà B, T đứng ở cửa cầu thang máy cảnh giới, còn S vào phòng bệnh số 732 thấy anh Ngô Thế A và anh Nguyễn Thành T đang ngủ, trên bàn uống nước để 02 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen (trong đó 01 điện thoại có số IMEI 353808086545588 là của anh Thế A, còn điện thoại có số IMEI 355372080759008 là của anh T) và 01 Ipad màu xám hiệu Apple là tài sản của anh T. S đi vào phòng trộm cắp các tài sản này rồi đi xuống sảnh tầng 1. S nói với T trộm cắp được 01 Ipad rồi đưa cho T cầm. Sau đó, S và T đón xe taxi đi về hướng khu M. Trên đường đi, S tháo vỏ ốp lưng của 02 điện thoại và 01 vỏ ốp lưng của chiếc Ipad vừa trộm cắp được vứt đi (S không nhớ vứt ở đâu). Khi đi đến công làng Đ, phường M, quận N, TP Hà Nội; S bảo T đứng chờ, còn S đi đến cửa hàng T Mobile do anh Nguyễn Huy T làm chủ ở tổ dân phố 7, làng Đ, thôn M, quận N, Hà Nội và bán toàn bộ tài sản trộm cắp trên cho anh T được 9.200.000 đồng. S chia cho T số tiền 1.700.000 đồng. Số tiền còn lại 7.500.000 đồng, S ăn tiêu hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 220/KLĐG ngày 29/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện T đã kết luận:

- 02 điện thoại di động Iphone 7 Plus-128GB màu đen có giá trị 22.000.000 đồng (mỗi chiếc có giá trị 11.000.000 đồng)

- 01 chiếc Ipad Air 2-128GB màu ghi có trị giá 7.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 29.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, S và T còn khai nhận vào tháng 7 và 8/2018, S và T còn rủ nhau 02 lần vào Bệnh viện K cơ sở T để thấy ai sơ hở thì trộm cắp nhưng không lấy được tài sản gì.

Cơ quan Điều tra đã thu giữ của S 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng; thu giữ của T 01 điện thoại OPPO màu hồng và số tiền 1.700.000 đồng.

Anh Nguyễn Huy T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Điều tra các tài sản đã mua của T.

Cơ quan Điều tra đã trao trả anh Thế A 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen có số IMEI 353808086545588, trao trả anh T 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen có số IMEI 355372080759008 và 01 Ipad màu xám hiệu Apple. Anh Thế A và anh T không yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự.

Đối với anh Nguyễn Huy T khi mua các tài sản không biết đây là các tài sản do S và T trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý. Anh T yêu cầu S, T bồi thường số tiền 9.200.000 đồng anh đã bỏ ra mua 02 chiếc điện thoại và 01 chiếc Ipad nêu trên.

Đối với các tài sản đã tạm giữ của S và T thì tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của S và T hai lần vào Bệnh viện K cơ sở T trong thời điểm tháng 7 và 8/2018 để trộm cắp tài sản nhưng không có căn cứ để xác minh xử lý.

Quá trình điều tra còn xác định được: ngày 11/3/2018, T và S trộm cắp tài sản tại Bệnh viện K ở phố H, quận H, TP Hà Nội và đã bị Cơ quan Điều tra - Công an quận H khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy định tại khoản 2 - Điều 173 BLHS. Hiện nay các bị cáo chưa bị xét xử về hành vi trộm cắp này.

Tại bản cáo trạng số 214/CT-VKSTT ngày 30/11/2018, VKSND huyện Thanh Trì truy tố Kiều Trung S và Lê Viết T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 - BLHS 2015.

Tại phiên toà: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng hành vi đã thực hiện, thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Đối với số tiền 9.200.000 đồng hiện nay anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, bị cáo S xin được bồi thường 7.500.000 đồng, bị cáo T nhất trí bồi thường 1.700.000 đồng nhưng trừ vào số tiền Cơ quan Điều tra đã thu giữ của T.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Xử phạt Kiều Trung S từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2018.

- Nguyễn Sỹ T từ 15 tháng đến 20 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về dân sự:

- Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Huy T số tiền là 9.200.000 đồng, trong đó S bồi thường 7.500.000 đồng, T bồi thường 1.700.000 đồng.

Về vật chứng:

- Trả lại cho S 01 điện thoại Iphon 6 cũ màu trắng bạc, có số IMEI 352065068654273

- Trả lại cho T 01 điện thoại OPPO cũ màu trắng hồng, màn hình bị vỡ, có số IMEI1 861216039284732 và số IMEI2 861216039284724

- Đối với số tiền 1.700.000 đồng Cơ quan Điều tra đã thu giữ của T: đây là số tiền T được S chia cho sau khi bán cho anh T các tài sản trộm cắp mà có, hiện nay các tài sản này đã thu hồi trả cho người bị hại, do vậy trả cho anh T số tiền 1.700.000 đồng này

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Ngày 20/9/2018, tại Bệnh viện K cơ sở xã T, huyện T, TP Hà Nội; Kiều Trung S và Lê Viết T đã có hành vi trộm cắp của anh Ngô Thế A: 01 điện thoại Iphone 7 Plus (có số IMEI 353808086545588) có trị giá là 11.000.000 đồng; trộm cắp của anh Nguyễn Thành T 01 điện Iphone 7 Plus (có số IMEI 355372080759008) có trị giá 11.000.000 đồng và 01 Ipad hiệu Apple có trị giá là 7.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã trộm cắp là 29.500.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự 2015

[2] Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố các bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp lý. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của nhiều người khác, gây mất an ninh ổn định, gây hoang mang lo lắng cho người dân. Do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với Kiều Trung S là người có nhiều tiền án tiền sự, tuy đã được xóa nhưng thể hiện là người có nhân thân xấu. Trong vụ án này S là người khởi xướng, rủ rê T trộm cắp, vì vậy S có vai trò cao hơn T. Đối với Lê Viết T tuy chưa có tiền án tiền sự nhưng là đồng phạm tích cực. Hiện nay các bị cáo đang bị Công an quận H khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra tại Bệnh viện K cơ sở H thuộc quận H. Do vậy, chứng tỏ các bị cáo không chịu làm ăn lương thiện. Cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại; bị cáo T chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng - đây là tình tiết để xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[4] Đối với việc S và T khai nhận vào tháng 7 và 8/2018, S và T còn rủ nhau 02 lần vào Bệnh viện K cơ sở T để thấy ai sơ hở thì trộm cắp nhưng không lấy được tài sản gì nên Cơ quan điều tra không xác minh xử lý là có căn cứ.

[5] Đối với anh Nguyễn Huy T khi mua các tài sản nhưng không biết đây là các tài sản do S và T trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Về dân sự:

Những người bị hại là anh Ngô Thế A và anh Nguyễn Thành T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác về dân sự nên không xét

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Huy T buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền 9.200.000 đồng anh đã bỏ ra mua 02 chiếc điện thoại và 01 chiếc Ipad nêu trên: xét yêu cầu của anh T là chính đáng vì khi mua các tài sản này anh không biết do các bị cáo phạm tội mà có. Do vậy, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Huy T số tiền là 9.200.000 đồng, trong đó S bồi thường 7.500.000 đồng, T bồi thường 1.700.000 đồng. Riêng đối với T thì số tiền bồi thường cho anh T được trừ vào số tiền 1.700.000 đồng Cơ quan Điều tra đã thu giữ

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

- Đối với chiếc điện thoại Iphone 6 đã cũ màu trắng bạc, có số IMEI 352065068654273: xét đây là tài sản cá nhân bị cáo S dùng để liên lạc, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với chiếc điện thoại OPPO đã cũ màu trắng hồng, màn hình bị vỡ, có số IMEI1 861216039284732 và số IMEI2 861216039284724: xét đây là tài sản cá nhân bị cáo T dùng để liên lạc, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo

- Đối với số tiền 1.700.000 đồng Cơ quan Điều tra đã thu giữ của T: xét đây là số tiền mà bị cáo có được do bán cho anh T các tài sản trộm cắp, hiện nay các tài sản này đã thu hồi trả cho người bị hại và những người bị hại không yêu cầu gì về dân sự, do vậy cần trả cho anh T số tiền này

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 - BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về quyền kháng cáo: các bị cáo, những người bị hại, những người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Kiều Trung S và Lê Viết T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt:

- phạt **Kiều Trung S 24** (*hai bốn*) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2018.

- phạt **Lê Viết T 20** (*hai mươi*) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2018.

Về dân sự: áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 - BLDS 2015:

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Huy T 9.200.000 đồng, trong đó S bồi thường 7.500.000 đồng, T bồi thường 1.700.000 đồng. Riêng đối với bị cáo T thì số tiền bồi thường cho anh T được trừ vào số tiền 1.700.000 đồng Cơ quan Điều tra đã thu giữ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 - Bộ luật Dân sự 2015.

Về vật chứng: áp dụng Điều 106 - BLTTHS 2015:

- Trả lại cho Kiều Trung S 01 điện thoại Iphon 6 đã cũ màu trắng bạc, có số IMEI 352065068654273 và trả lại cho Lê Viết T 01 điện thoại OPPO đã cũ màu trắng hồng, màn hình bị vỡ, có số IMEI1 861216039284732 và số IMEI2 861216039284724 (hiện đang lưu giữ tại Cơ quan Thi hành án huyện T, thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2019)

- Trả cho anh Nguyễn Huy T 1.700.000 đồng đã thu giữ của bị cáo T (thể hiện tại Ủy nhiệm chi số 03 ngày 11/01/2019 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)

Về án phí: áp dụng Điều 136 - BLTTHS 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và bị cáo S phải chịu 375.000 đồng án phí dân sự bồi thường.

Về quyền kháng cáo: áp dụng các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Nguyễn Huy T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: áp dụng Điều 26 - Luật thi hành án

Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa